



THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

ThS.Ks Lương văn Cảnh

Giảng viên: Ths.Ks Lương văn Cảnh

TEL: 091.380.3800 EMAIL: luongvancanh@hcm.vnn.vn

www.dutoan.vn

www.dutoan.vn/forums/

TÓM TẮT NỘI DUNG

I. Thanh toán vốn đầu tư



II. Quyết toán vốn đầu tư



**III. Hướng dẫn phương pháp quy đổi chi phí DADT
XDCT tại thời điểm bàn giao đưa vào sử dụng**



IV. Xác định giá trị tài sản bàn giao đưa vào sử dụng



THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

ThS.Ks Lương văn Cảnh

Giảng viên: Ths.Ks Lương văn Cảnh

TEL: 091.380.3800 EMAIL: luongvancanh@hcm.vnn.vn

www.dutoan.vn

www.dutoan.vn/forums/

Văn bản pháp lý

Văn bản pháp lý

NGHỊ ĐỊNH 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình

NGHỊ ĐỊNH 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 Hướng dẫn thi hành LĐT và lựa chọn nhà thầu xây dựng LXD

THÔNG TƯ 19/2011/TT-BTC ngày 4 tháng 02 năm 2011 hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước

NGHỊ ĐỊNH 48/2010/NĐ-CP ngày 07/05/10 hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng

Sự hình thành và quản lý chi phí dự án

ThS.Ks Lương Văn Cảnh

Các giai đoạn thực hiện

Chọn phương án

Lập dự án

Thiết kế-Dự toán

Lựa chọn nhà thầu

Thực hiện đầu tư

Nghiệm thu, bàn giao

Quyết toán vốn ĐT

Mức độ chính xác của chi phí dự án tăng dần

Tên gọi các chi phí

Khái toán

Tổng mức đầu tư

Tổng dự toán

Giá trúng thầu/HĐ

Giá trị thanh toán

Giá trị quyết toán HĐ

Giá trị QTVĐT

1. Các yêu cầu cơ bản trong thanh toán

Phạm vi áp dụng đối với các nguồn vốn Nhà nước hoặc dự án có vốn nhà nước tham gia 30%



Trách nhiệm của chủ đầu tư, cấp thẩm quyền và cơ quan quản lý tài chính.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, sử dụng vốn hiệu quả.
- Kiểm tra, đôn đốc thực hiện dự án. Lập kế hoạch, thống kê đánh giá.
- Đảm bảo đủ vốn thực hiện.
 - Phân rõ chức năng và quyền hạn các bên tham gia vào quy trình thanh toán
- Cơ quan Tài chính thực hiện công tác quản lý tài chính vốn đầu tư.
- Cơ quan Kho bạc Nhà nước nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ; Khuyến khích các nguồn vốn khác.



Xác định CP hợp pháp thanh toán

- Chi phí được thực hiện trong phạm vi thiết kế, dự toán đã phê duyệt kể cả phần điều chỉnh, bổ sung, đúng với hợp đồng đã ký kết, phù hợp với các quy định của pháp luật. Chi phí thanh toán không được vượt tổng mức đầu tư



Nội dung và kết quả BCQT

- Nội dung thanh toán: chủ đầu tư lập
- Kết quả thanh toán do cơ quan quản lý tài chính kiểm tra nội dung và quyết định.

Thanh toán hợp đồng xây dựng

1. Việc thanh toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng mà các bên đã ký kết.
2. Các bên thỏa thuận trong hợp đồng về số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán.
3. Bên giao thầu phải thanh toán đầy đủ (100%) giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình theo thỏa thuận trong hợp đồng, trừ trường hợp các bên có quy định khác.

Thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình

1. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán theo quy định, cơ quan thanh toán vốn đầu tư có trách nhiệm thanh toán vốn đầu tư theo đề nghị thanh toán của CĐT hoặc đại diện hợp pháp của CĐT trên cơ sở kế hoạch vốn được giao.

2. CĐT chịu trách nhiệm về đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán trong hồ sơ đề nghị thanh toán; cơ quan thanh toán vốn đầu tư không chịu trách nhiệm về đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán trong hồ sơ đề nghị thanh toán của CĐT hoặc đại diện hợp pháp của chủ đầu tư. Trong quá trình thanh toán, nếu phát hiện những sai sót trong hồ sơ đề nghị thanh toán, cơ quan thanh toán vốn đầu tư thông báo bằng văn bản để CĐT hoặc đại diện hợp pháp của CĐT bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

3. Nghiêm cấm các cơ quan thanh toán vốn đầu tư và CĐT tự đặt ra các quy định trái pháp luật trong việc thanh toán vốn đầu tư xây dựng.

1. Hồ sơ thanh toán của hợp đồng theo trọn gói

- a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng (đối với hợp đồng thi công xây dựng phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế; đối với hợp đồng tư vấn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;
- b) Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;
- c) Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.

2. Hồ sơ thanh toán của hợp đồng theo đơn giá cố định

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo hợp đồng) trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;
- Bảng tính giá trị cho những công việc phát sinh hoặc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;
- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.

3. Hồ sơ thanh toán của hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo hợp đồng) trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;
- Bảng tính đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá (còn gọi là đơn giá thanh toán) theo đúng thoả thuận trong hợp đồng có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;
- Bảng tính giá trị cho những công việc phát sinh hoặc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;
- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.

4. Hồ sơ thanh toán của hợp đồng theo đơn giá thời gian

- Biên bản nghiệm thu thời gian làm việc thực tế hoặc bảng chấm công (theo tháng, tuần, ngày, giờ) tương ứng với kết quả công việc trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu.
- Trường hợp, trong quá trình thực hiện có công việc phát sinh cần phải bổ sung chuyên gia mà trong hợp đồng chưa có mức thù lao cho các chuyên gia này thì các bên phải thỏa thuận và thống nhất mức thù lao trước khi thực hiện. Khi đó, hồ sơ thanh toán phải có bảng tính giá trị các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng và được đại diện các bên: giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và bên nhận thầu xác nhận;
- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.

5. Hồ sơ thanh toán của hợp đồng theo %

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu; biên bản này được xác định căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu hay các sản phẩm mà bên nhận thầu đã hoàn thành được bên giao thầu xác nhận tương ứng với các giai đoạn (lần) thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Bảng tính giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;
- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.

2. Hồ sơ thanh toán của hợp đồng theo đơn giá (trích 85/2009/NĐ-CP)

Hồ sơ thanh toán XL

Biên bản nghiệm thu khối lượng (BVHC) thực hiện có xác nhận của đại diện NT, CĐT, TVGS

Bảng xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện NT, CĐT, TVGS

Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành có tăng giảm so HĐ (theo phụ lục của TT 06/2007/TT-BXD);

Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị hoàn trả tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán

2. Hồ sơ thanh toán của hợp đồng theo trọn gói và đơn giá (trích 85/2009/NĐ-CP)

Do nhà thầu chuẩn bị

Hồ sơ thanh toán HH-TB

Hóa đơn của nhà thầu

Danh mục hàng hóa đóng gói

Chứng từ vận tải,

Đơn bảo hiểm,

Biên bản nghiệm thu hàng hóa,

Giấy chứng nhận xuất xứ và Giấy chứng nhận chất lượng,

Các tài liệu, chứng từ khác liên quan

2. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền trong thanh toán vốn đầu tư

Quy trình thanh toán

Lập bảng thanh toán khối lượng như hồ sơ quy định

Trong vòng 07 ngày, Chủ đầu tư gửi hồ sơ đến kho bạc

Trong vòng 07 ngày, Kho bạc kiểm tra và thanh toán theo từng loại hợp đồng. Bổ sung hồ sơ theo quy định nếu có

Nếu hồ sơ đầy đủ trong vòng 14 ngày, nhà thầu nhận được tiền thanh toán

Nguyên tắc thanh toán

- Giá hợp đồng trọn gói
- Giá hợp đồng theo đơn giá cố định
- Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh
- Giá hợp đồng kết hợp
- Khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng

Các loại hợp đồng



Nguyên tắc thanh toán

1- Đối với giá hợp đồng trọn gói:

Thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không đòi hỏi có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết

2- Đối với giá hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh:

Được thực hiện trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thoả thuận trong hợp đồng

Nguyên tắc thanh toán

3- Đối với giá hợp đồng theo thời gian :

- a) Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ).
- b) Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng.

4- Đối với giá hợp đồng theo %:

Thanh toán theo tỷ lệ (%) của giá hợp đồng. Tỷ lệ (%) cho các lần thanh toán do các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Khi bên nhận thầu hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng, bên giao thầu thanh toán cho bên nhận thầu số tiền bằng tỷ lệ (%) giá trị công trình hoặc giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được quy định trong hợp đồng

5- Đối với giá hợp đồng kết hợp:

Việc thanh toán được thực hiện tương ứng theo các quy định thanh toán các loại hợp đồng trên.



Nguyên tắc thanh toán

6- Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng

- Đối với khối lượng công việc phát sinh từ 20% trở xuống so với khối lượng công việc tương ứng trong hợp đồng và đã có đơn giá trong hợp đồng thì khối lượng công việc phát sinh được thanh toán theo đơn giá đã ghi trong hợp đồng.
- Đối với khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% so với khối lượng công việc tương ứng trong hợp đồng hoặc khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì khối lượng công việc phát sinh được thanh toán theo đơn giá do chủ đầu tư phê duyệt theo quy định.
- Đối với khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc quy định của hợp đồng áp dụng phương thức giá hợp đồng trọn gói thì giá trị bổ sung được lập dự toán và bên giao thầu và bên nhận thầu thống nhất ký hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh này.



Nguyên tắc thanh toán trọn gói theo 85/2009/NĐ-CP

Nguyên tắc thanh toán đối với hình thức hợp đồng trọn gói: đối với nhà thầu được lựa chọn thông qua các hình thức lựa chọn nhà thầu trừ hình thức chỉ định thầu, việc thanh toán phải căn cứ vào giá hợp đồng và các điều khoản thanh toán nêu trong hợp đồng, không căn cứ theo dự toán cũng như các quy định, hướng dẫn hiện hành của Nhà nước về định mức, đơn giá; không căn cứ vào đơn giá trong hóa đơn tài chính đối với các yếu tố đầu vào của nhà thầu như vật tư, máy móc, thiết bị và các yếu tố đầu vào khác.

Nguyên tắc thanh toán trọn gói theo 85/2009/NĐ-CP

Nguyên tắc thanh toán đối với hình thức hợp đồng

trọn gói: Đối với công việc xây lắp, trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, các bên liên quan cần rà soát lại bảng khối lượng công việc theo thiết kế được duyệt, nếu các bên phát hiện bảng khối lượng công việc bóc tách từ thiết kế chưa chính xác, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc bổ sung khối lượng công việc để bảo đảm phù hợp với thiết kế. Đối với công việc xây lắp này, sau khi hợp đồng theo hình thức trọn gói được ký kết, khối lượng công việc thực tế nhà thầu đã thực hiện để hoàn thành theo thiết kế (nhiều hơn hay ít hơn khối lượng công việc nêu trong hợp đồng) không ảnh hưởng tới số tiền thanh toán cho nhà thầu.



Quyết toán hợp đồng xây dựng

1. Quyết toán hợp đồng là việc xác định tổng giá trị cuối cùng của hợp đồng xây dựng mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho bên nhận thầu khi bên nhận thầu hoàn thành tất cả các công việc theo thoả thuận trong hợp đồng.
2. Thời hạn giao nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng do các bên thoả thuận nhưng không được quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có); trường hợp hợp đồng có quy mô lớn thì được phép kéo dài thời hạn giao nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng nhưng không quá một trăm hai mươi (120) ngày



Hồ sơ quyết toán hợp đồng

Hồ sơ quyết toán hợp đồng do bên nhận thầu lập phù hợp với từng loại hợp đồng và giá hợp đồng. Nội dung của hồ sơ quyết toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với các thoả thuận trong hợp đồng, bao gồm các tài liệu sau:

- a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng;
- b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;
- c) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho bên nhận thầu;
- d) Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình đối với hợp đồng có công việc thi công xây dựng;
- đ) Các tài liệu khác theo thoả thuận trong hợp đồng.



Thanh lý hợp đồng xây dựng

1. Hợp đồng xây dựng được thanh lý trong trường hợp:
 - a) Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;
 - b) Hợp đồng xây dựng bị chấm dứt (huỷ bỏ) theo quy định của pháp luật.
2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc hợp đồng bị chấm dứt (huỷ bỏ); đối với những hợp đồng có quy mô lớn thì việc thanh lý hợp đồng được thực hiện trong thời hạn không quá chín mươi (90) ngày.



Kế hoạch thanh toán vốn đầu tư

1. Lập kế hoạch:

Hàng năm, căn cứ vào tiến độ và mục tiêu thực hiện dự án, chủ đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư của dự án

- Thời gian lập, trình, duyệt, giao kế hoạch vốn đầu tư theo quy định của Luật NSNN.

2. Phân bổ vốn:

Cơ quan Tài chính có trách nhiệm cùng với Kế hoạch và Đầu tư dự kiến phân bổ vốn đầu tư cho từng dự án.

Nguyên tắc phân bổ vốn:

- Đảm bảo các điều kiện của dự án được bố trí kế hoạch vốn đầu tư theo quy định

Bố trí đủ vốn dự án hoàn thành mà còn thiếu vốn; các chi phí tư vấn, chi phí khác, chi phí chuẩn bị đầu tư.

(Mẫu kế hoạch vốn đầu tư theo phụ lục số 01 của TT 27/2007/TT-BTC).



Kế hoạch thanh toán vốn đầu tư

3. Sau khi phân bổ vốn đầu tư, gửi kế hoạch vốn đầu tư cho đơn vị quản lý tài chính cấp trên.

4. Giao kế hoạch vốn cho các chủ đầu tư:

Sau khi việc phân bổ vốn đã được cơ quan Tài chính thẩm tra, chấp thuận, các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, các huyện giao chỉ tiêu kế hoạch cho các chủ đầu tư để thực hiện, đồng gửi Kho bạc nhà nước nơi dự án mở tài khoản để theo dõi, làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn.



Điều kiện & Hồ sơ thanh toán GD chuẩn bị đầu tư

Chủ đầu tư phải mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước

1. Đối với công tác chuẩn bị đầu tư :

- **DADT hoặc BCKTKT kèm quyết định.**
- **Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị thực hiện dự án được duyệt; Riêng việc giải phóng mặt bằng phải kèm theo phương án giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;**
- **Văn bản lựa chọn nhà thầu .**
- **Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.**



Điều kiện & Hồ sơ thanh toán

2. Đối với dự án quy hoạch:

- ☐ Văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề cương hoặc nhiệm vụ dự án quy hoạch;
- ☐ Dự toán chi phí cho công tác quy hoạch được duyệt
- ☐ Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu
- ☐ Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.



Điều kiện & Hồ sơ thanh toán

3. Đối với dự án vốn trong nước:

- ☐ DADT hoặc BCKTKT kèm quyết định, QĐ điều chỉnh
- ☐ Văn bản lựa chọn nhà thầu
- ☐ Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu + tài liệu HĐ
- ☐ Dự toán kèm quyết định trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện



Điều kiện & Hồ sơ thanh toán

4. Đối với dự án ODA: ngoài các tài liệu theo quy định nêu trên, cần có:

- + Bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ đầu tư của: Hiệp định tín dụng, sổ tay giải ngân (nếu có). Riêng hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải là văn bản bằng tiếng Việt hoặc bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ đầu tư;**
- + Bảo lãnh tạm ứng (nếu có) theo quy định cụ thể của Hợp đồng (kể cả trường hợp dự án vốn trong nước nhưng do nhà thầu nước ngoài thi công).**



Thẩm quyền các chủ thể

Chủ đầu tư

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Tiếp nhận và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và có hiệu quả.
- Nghiệm thu khối lượng, lập hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu.
- Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán, chất lượng và giá trị đề nghị thanh toán.
- Báo cáo kịp thời, đầy đủ, cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu, chịu sự kiểm tra.
- Thực hiện kế toán đơn vị chủ đầu tư; quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành.
- Được yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện.

Thẩm quyền các chủ thể

Cấp thẩm quyền

- ❑ Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ Nhà nước.
- ❑ Trong phạm vi thẩm quyền được giao, chịu trách nhiệm trước Chính phủ và pháp luật nhà nước về những quyết định của mình.



Thẩm quyền các chủ thể

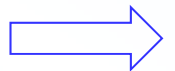
Cơ quan quản lý tài chính

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư theo quy định.
- Đảm bảo đủ nguồn vốn để Kho bạc thanh toán cho các dự án.
- Thực hiện việc quyết toán vốn đầu tư.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra các chủ đầu tư, Kho bạc nhà nước, các nhà thầu thực hiện dự. Có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm, ra quyết định thu hồi các khoản, nội dung chi sai chế độ Nhà nước.
- Được quyền yêu cầu Kho bạc nhà nước, chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết.

Thẩm quyền các chủ thể

Kho bạc nhà nước

- Ban hành quy trình thanh toán vốn đầu tư.
- Hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản.
- Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định.
- Có ý kiến rõ ràng bằng văn bản cho chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các thắc mắc của chủ đầu tư trong việc thanh toán vốn.
- Không chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng, định mức, đơn giá chất lượng công trình.
- Đôn đốc chủ đầu tư thanh toán dứt điểm công nợ khi dự án đã quyết toán và tất toán tài khoản.





Thẩm quyền các chủ thể

Kho bạc nhà nước

- Thông tin báo cáo và quyết toán sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp.
- Được quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin để phục vụ cho công tác kiểm soát thanh toán vốn.
- Định kỳ và đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư; Được phép tạm ngừng thanh toán vốn hoặc thu hồi số vốn mà chủ đầu tư sử dụng sai mục đích, sai đối tượng hoặc trái với chế độ quản lý tài chính của Nhà nước, đồng thời báo cáo cơ quan Tài chính để xử lý.
- Không tham gia vào các Hội đồng nghiệm thu.
- Hết năm kế hoạch, xác nhận số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án, nhận xét về dự án.

Thẩm quyền các chủ thể

Quyền Nhà thầu

- a) Được quyền đề xuất với bên giao thầu về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện những công việc ngoài phạm vi của hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của bên giao thầu;
- b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được bên giao thầu chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết;
- c) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng; được quyền đòi bồi thường thiệt hại khi bên giao thầu chậm bàn giao mặt bằng và các thiệt hại khác do lỗi của bên giao thầu gây ra;
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Thẩm quyền các chủ thể

Nghĩa vụ Nhà thầu

- a) Cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại theo hợp đồng; thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp bên nhận thầu thực hiện thiết kế bản vẽ thi công) để thực hiện các công việc theo nội dung hợp đồng đã ký kết;
- b) Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;
- c) Thi công xây dựng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;
- d) Ghi nhật ký thi công xây dựng công trình;
- đ) Thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn và tiêu chuẩn;



Thẩm quyền các chủ thể

Nghĩa vụ Nhà thầu

- e) Quản lý người lao động trên công trường, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh;
- f) Lập biện pháp tổ chức thi công, hồ sơ hoàn công, tham gia nghiệm thu công trình;
- g) Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công xây dựng công trình do mình đảm nhận. Sửa chữa sai sót trong công trình đối với những công việc do mình thi công;
- h) Phối hợp với các nhà thầu khác cùng thực hiện trên công trường;
- i) Định kỳ báo cáo với bên giao thầu về tiến độ thi công, nhân lực và thiết bị chính để thi công xây dựng công trình;
- j) Di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác;
- k) Hoàn trả mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng;
- l) Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định;
- m) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.



QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

ThS.Ks Lương văn Cảnh

Giảng viên: Ths.Ks Lương văn Cảnh

TEL: 091.380.3800 EMAIL: luongvancanh@hcm.vnn.vn

www.dutoan.vn

www.dutoan.vn/forums/

Các nội dung cơ bản QT

1. Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án là giá trị thực tế đã thanh toán qua cơ quan kiểm soát cấp vốn, thanh toán, cho vay tính đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán
2. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán chi tiết theo cơ cấu: xây dựng, thiết bị, bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác; chi tiết theo hạng mục, theo gói thầu hoặc khoản mục chi phí đầu tư.
3. Xác định chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư
4. Xác định số lượng và giá trị tài sản hình thành qua đầu tư của dự án, công trình hoặc hạng mục công trình; chi tiết theo nhóm, loại tài sản cố định, tài sản lưu động theo chi phí thực tế

1. Các nội
dung cơ bản

2. Nội dung,
hồ sơ, thẩm
quyền thẩm
tra Báo cáo
quyết toán

3. Kiểm
toán, quyết
toán vốn
đầu tư

4. Thẩm tra
quyết toán
dự án hoàn
thành

5. Phê duyệt
quyết toán

6. Chi phí
thẩm tra,
phê duyệt
quyết toán,
kiểm toán

7. Thời hạn
quyết toán

8. Trách
nhiệm trong
quyết toán
dự án hoàn
thành

Chi phí hợp pháp

Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác sử dụng. Chi phí hợp pháp là chi phí được thực hiện trong phạm vi thiết kế, dự toán đã phê duyệt kể cả phần điều chỉnh, bổ sung, đúng với hợp đồng đã ký kết, phù hợp với các quy định của pháp luật. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì vốn đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc được điều chỉnh) theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

Chi phí hợp pháp theo ND 112/2009/ND-CP

Gồm 06 loại Chi phí:

1. Chi phí xây dựng.
2. Chi phí thiết bị.
3. Chi phí quản lý dự án.
4. Chi phí tư vấn.
5. Chi phí khác
6. Chi phí GPMB.

1. Các nội
dung cơ bản

2. Nội dung,
hồ sơ, thẩm
tra Báo cáo
quyết toán

3. Kiểm
toán, quyết
toán vốn
đầu tư

4. Thẩm tra
quyết toán
dự án hoàn
thành

5. Phê duyệt
quyết toán

6. Chi phí
thẩm tra,
phê duyệt
quyết toán,
kiểm toán

7. Thời hạn
quyết toán

8. Trách
nhiệm trong
quyết toán
dự án hoàn
thành

Chi phí xây dựng bao gồm:

- 1. Chi phí xây dựng các công trình, hạng mục công trình;**
- 2. Chi phí phá và tháo dỡ các vật kiến trúc cũ;**
- 3. Chi phí san lấp mặt bằng xây dựng;**
- 4. Chi phí xây dựng công trình tạm,**
- 5. Công trình phụ trợ phục vụ thi công;**
- 6. Nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công**

Xác định chi phí thiết bị

- ❑ Chi phí mua sắm thiết bị bao gồm: giá mua (gồm cả chi phí thiết kế và giám sát chế tạo), chi phí vận chuyển từ cảng hoặc nơi mua đến công trình, chi phí lưu kho, lưu bãi, lưu Container tại cảng Việt Nam (đối với các thiết bị nhập khẩu), chi phí bảo quản, bảo dưỡng tại kho bãi ở hiện trường, thuế và phí bảo hiểm thiết bị công trình.

Giá thiết bị có thể tính theo công thức: $M = G_g + C_{vc} + C_{lk} + C_{bq} + T$

❖ Giá thiết bị có thể lấy theo báo giá nhà cung cấp, giá thiết bị tương tự hoặc lập dự toán riêng (loại phải gia công).

- ❑ Chi phí đào tạo và chuyển giao CN.
- ❑ Chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh được tính bằng cách lập dự toán.

$$G_{TB} = G_{MS} + G_{ĐT} + G_{LĐ} = \sum [Q_i M_i x (1 + T_i^{GTGT-TB})] + G_{ĐT} + G_{LĐ}$$

Xác định chi phí quản lý dự án

CP QLDA là các chi phí cần thiết cho chủ đầu tư để tổ chức quản lý việc thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi hoàn thành nghiệm thu bàn giao, đưa công trình vào khai thác sử dụng, bao gồm:

1. Lập báo cáo đầu tư, chi phí tổ chức lập dự án đầu tư hoặc BCKTKT;
2. Thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc hoặc lựa chọn phương án TKKT;
3. Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc trách nhiệm CĐT;
4. Thẩm định dự án đầu tư BCKTKT;
5. Lập, thẩm định hoặc thẩm tra, phê duyệt thiết kế các loại;
6. Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng;
7. Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng;
8. Đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường của công trình;
9. Lập định mức, đơn giá XDCT;
10. Kiểm tra chất lượng vật liệu, kiểm định chất lượng công trình theo yêu cầu CĐT;
11. Kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện BD ATCL và chứng nhận sự phù hợp về CLCT;
12. Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư XDCT;
13. Giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình;
14. Nghiệm thu, bàn giao công trình;
15. Chi phí khởi công, khánh thành, tuyên truyền quảng cáo;
16. Thực hiện các công việc quản lý khác.

XÁC ĐỊNH CHI PHÍ TƯ VẤN

- ❑ Liệt kê tất cả các chi phí tư vấn cần cho công trình như:

Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng; khảo sát xây dựng; lập báo cáo đầu tư, lập dự án hoặc lập BCKTKT; thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của DA; thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc; thiết kế XDCT; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, chi phí thẩm tra tổng mức đầu tư, dự toán; lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và chi phí phân tích đánh giá hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu để lựa chọn nhà thầu; giám sát khảo sát xây dựng, giám sát thi công xây dựng, giám sát lắp đặt thiết bị; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; lập định mức xây dựng, đơn giá XDCT; kiểm soát chi phí đầu tư XDCT; quản lý chi phí đầu tư XD: tổng mức đầu tư, dự toán công trình, định mức xây dựng, đơn giá XDCT, hợp đồng trong hoạt động XD, tư vấn quản lý dự án (trường hợp thuê tư vấn); thí nghiệm chuyên ngành; kiểm tra chất lượng vật liệu, kiểm định chất lượng CT theo yêu cầu của chủ đầu tư; kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATCL và chứng nhận sự PHCL; giám sát, đánh giá DADT (trường hợp thuê tư vấn); quy đổi chi phí ĐT XDCT về thời điểm bàn giao, đưa vào khai thác sử dụng;

- ❑ Chi phí thực hiện các công việc tư vấn khác.

X
D

T
B

T
V

D
A

≠

D
P

ThS.Ks Lương Văn Cảnh

XÁC ĐỊNH CHI PHÍ KHÁC

Chi phí khác: là những chi phí không thuộc 4 loại chi phí nêu trên nhưng cần thiết để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình. Tham khảo định mức do Bộ XD công bố hoặc lập dự toán riêng. Không có công thức chung để tính. Bao gồm:

1. Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ (1487 /BXD-KTTC 12/7/2007;
2. Chi phí bảo hiểm công trình (tạm tính theo 33/2004/QĐ-BTC);
3. Chi phí di chuyển thiết bị thi công và lực lượng lao động đến công trường;
4. Chi phí đăng kiểm chất lượng quốc tế, quan trắc biến dạng công trình;
5. Chi phí đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công các công trình;
6. Chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng khi thi công công trình;
7. Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư (19/2011/TT_BTC);
8. Chi phí nghiên cứu khoa học công nghệ liên quan đến dự án; vốn lưu động ban đầu đối với các dự án đầu tư xây dựng nhằm mục đích kinh doanh, lãi vay trong thời gian xây dựng; chi phí cho quá trình chạy thử không tải và có tải theo quy trình công nghệ trước khi bàn giao trừ giá trị sản phẩm thu hồi được;
9. Các khoản phí và lệ phí theo quy định;
10. Một số khoản mục chi phí khác.

X
D

T
B

T
V

D
A

≠

D
P

ThS.Ks Lương Văn Cảnh

Nội dung hồ sơ BCQT

1. Nguồn vốn đầu tư thực hiện DA tính đến ngày khoá sổ
 2. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán chi tiết theo cơ cấu
 3. Xác định chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào tài sản
 4. Xác định số lượng và giá trị tài sản cố định, lưu động
 - ❖ Lớn hơn 3 năm phải quy đổi
 - ❖ Phân bổ chi phí khác cho từng tài sản cố định
 - ❖ Danh mục tài sản cho nhiều đơn vị sử dụng
- ☐ Đối với DA hoàn thành hoặc bị ngừng thực hiện vĩnh viễn, dùng mẫu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 /QTDA
- ☐ Đối với hạng mục CT hoàn thành: gồm các mẫu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06 /QTDA

1. Các nội
dung cơ bản

2. Nội dung,
hồ sơ, thẩm
quyền thẩm
tra Báo cáo
quyết toán

3. Kiểm
toán, quyết
toán vốn
đầu tư

4. Thẩm tra
quyết toán
dự án hoàn
thành

5. Phê duyệt
quyết toán

6. Chi phí
thẩm tra,
phê duyệt
quyết toán,
kiểm toán

7. Thời hạn
quyết toán

8. Trách
nhiệm trong
quyết toán
dự án hoàn
thành

BIỂU MẪU BCQT THEO PL 19/2011/TT-BTC

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

1. Mẫu số 01/QTDA: BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH (Nguồn vốn đầu tư; Tổng hợp chi phí đầu tư; Giá trị tài sản)
2. Mẫu số 02/QTDA: các văn bản liên quan đến chủ trương thực hiện đầu tư, chi phí đầu tư chủ đầu tư đề nghị quyết toán
3. Mẫu số 03/QTDA: giải ngân vốn đầu tư qua các năm làm cơ sở quy đổi vốn
4. Mẫu số 04/QTDA: chi phí đầu tư đã thực hiện đề nghị quyết toán của từng công trình trong trường hợp DA có từ nhiều công trình
5. Mẫu số 05/QTDA: toàn bộ tài sản hình thành về số lượng, nguyên giá và giá quy đổi; chi tiết theo từng đơn vị tiếp nhận tài sản
6. Mẫu số 06/QTDA: như mẫu 05 nhưng cho TS lưu động
7. Mẫu số 07/QTDA: thanh toán và công nợ của DA; chi tiết theo từng cá nhân, đơn vị tham gia thực hiện DA
8. Mẫu số 08/QTDA: bảng đối chiếu xác nhận cho từng nguồn vốn đầu tư, cho từng cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư
9. Mẫu số 09/QTDA: áp dụng cho các DA quy hoạch và chi phí CBĐT bị huỷ bỏ
10. Mẫu số 10/QTDA: Quyết định phê duyệt quyết toán

HỒ SƠ TRÌNH DUYỆT QUYẾT TOÁN

DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán (bản gốc).
2. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 (bản gốc).
3. Các văn bản pháp lý có liên quan của mẫu số 02 (bản gốc hoặc bản sao).
4. Các hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý hợp (bản gốc hoặc bản sao).
5. Các biên bản nghiệm thu các loại (bản gốc hoặc bản sao).
6. Toàn bộ các bản quyết toán khối lượng A-B (bản gốc).
7. Báo cáo kết quả kiểm toán (nếu có, bản gốc); kèm văn bản của chủ đầu tư về kết quả kiểm toán: thống nhất, nội dung không thống nhất, kiến nghị.
8. Kết luận thanh tra, Biên bản kiểm tra, Báo cáo kiểm toán của các cơ quan kèm theo báo cáo tình hình chấp hành các nội dung trên trên của chủ đầu tư.

1. Các nội
dung cơ bản

2. Nội dung,
hồ sơ, thẩm
quyền thẩm
tra Báo cáo
quyết toán

3. Kiểm
toán, quyết
toán vốn
đầu tư

4. Thẩm tra
quyết toán
dự án hoàn
thành

5. Phê duyệt
quyết toán

6. Chi phí
thẩm tra,
phê duyệt
quyết toán,
kiểm toán

7. Thời hạn
quyết toán

8. Trách
nhiệm trong
quyết toán
dự án hoàn
thành

HỒ SƠ TRÌNH DUYỆT QUYẾT TOÁN

DỰ ÁN QUY HOẠCH, CHI PHÍ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản gốc).
2. Báo cáo quyết toán theo mẫu số: 07, 08, 09/QTDA (bản gốc).
3. Tập các văn bản pháp lý có liên quan (bản gốc hoặc bản sao).
4. Các hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư với các nhà thầu; biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng (nếu có, bản gốc hoặc bản sao).

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

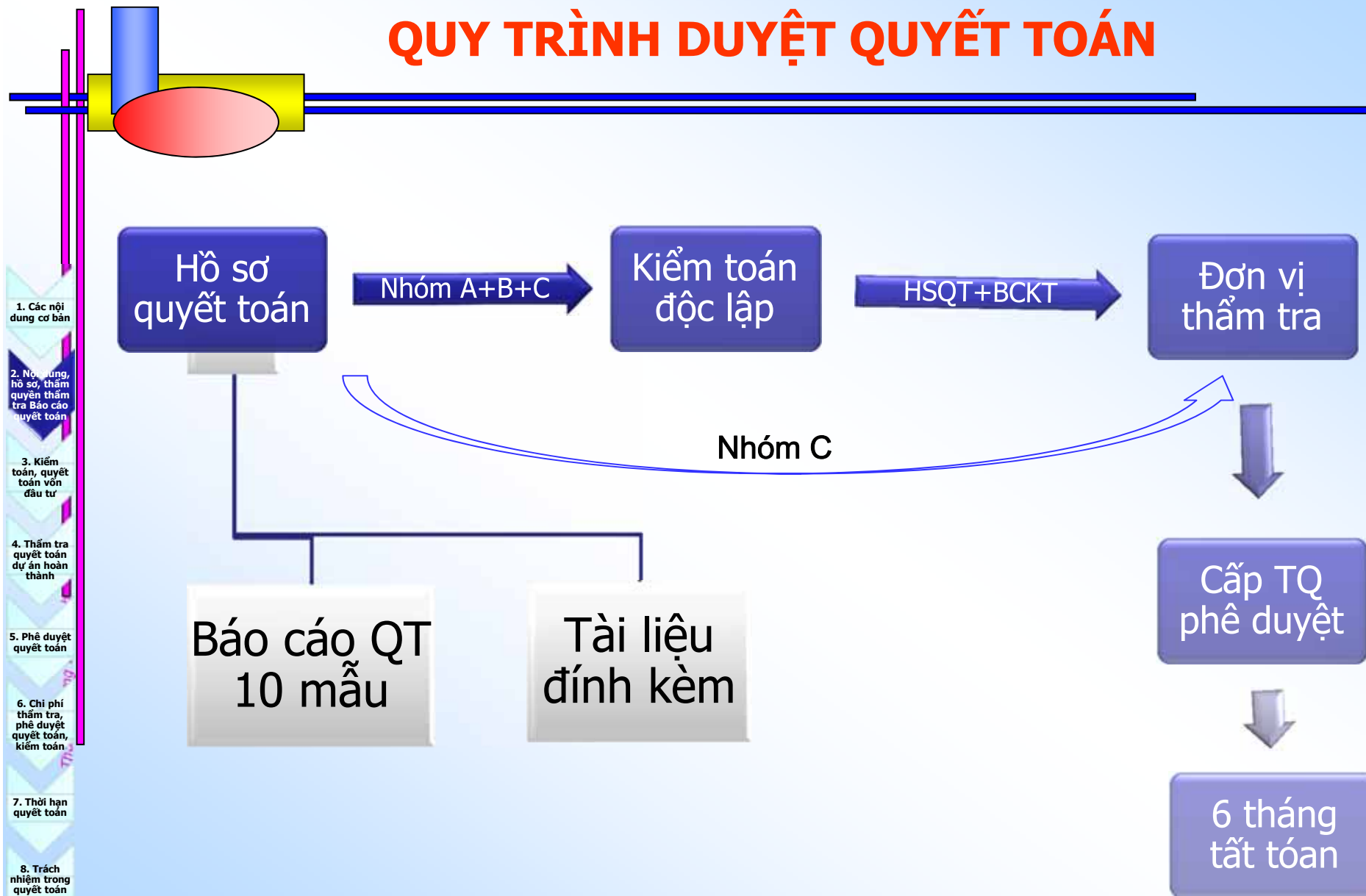
5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

QUY TRÌNH DUYỆT QUYẾT TOÁN



THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chỉ phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

a) Đối với các dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng quyết định đầu tư:

- Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt quyết toán các dự án thành phần sử dụng vốn ngân sách nhà nước; được ủy quyền hoặc phân cấp phê duyệt quyết toán các dự án thuộc thẩm quyền;**
- Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán các dự án thành phần không sử dụng vốn ngân sách nhà nước.**

b) Đối với các dự án còn lại: người quyết định đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư. Riêng các dự án có ủy quyền quyết định đầu tư, người quyết định đầu tư quy định việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

CƠ QUAN THẨM TRA QUYẾT TOÁN

- ❑ Đối với dự án được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư: Bộ Tài chính thẩm tra;
- ❑ Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc các cơ quan Trung ương quản lý: người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý tổ chức thẩm tra.
- ❑ Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý: Sở Tài chính tổ chức thẩm tra; Thuộc cấp quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh quản lý: Phòng Tài chính tổ chức thẩm tra.
- ❑ Đối với các dự án còn lại, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý tổ chức thẩm tra.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

KIỂM TOÁN QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

- ☐ Tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B đều phải kiểm toán quyết toán; các dự án còn lại thực hiện kiểm toán quyết toán theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.
- ☐ Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán và ký kết hợp đồng kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành.
- ☐ Nhà thầu kiểm toán quyết toán phải là các DN kiểm toán được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về kiểm toán độc lập.
- ☐ Nhà thầu kiểm toán thực hiện kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán phải tuân thủ Chuẩn mực kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

THẨM TRA QUYẾT TOÁN

Đối với dự án không kiểm toán quyết toán

1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý

- ❖ Trình tự, thủ tục đầu tư
- ❖ Trình tự, thủ tục lựa chọn thầu
- ❖ Tính pháp lý của các hợp đồng kinh tế

2. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư

- ❖ Đối chiếu số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán do chủ đầu tư báo cáo với số xác nhận của cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán liên quan
- ❖ Sự phù hợp trong việc sử dụng nguồn vốn đầu tư so với cơ cấu xác định trong quyết định đầu tư

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

THẨM TRA QUYẾT TOÁN

3. Thẩm tra chi phí đầu tư (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu)

A. Hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng trọn gói"

- ☐ Đối chiếu các yêu cầu, nội dung công việc, khối lượng thực hiện, đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với các yêu cầu, nội dung công việc, khối lượng thực hiện, đơn giá ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng. Qua đó xác định được giá trị quyết toán của hợp đồng.
- ☐ Khi nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng thực hiện và đơn giá ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng; thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký. Không chiết tính lại khối lượng cũng như đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

THẨM TRA QUYẾT TOÁN

B. Hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng theo đơn giá cố định"

Đối chiếu với biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện để thẩm tra các yêu cầu, nội dung công việc, khối lượng thực hiện trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B; đối chiếu đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá cố định ghi trong bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng; giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá cố định ghi trong hợp đồng.

C. Hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh"

Căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng, xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng. Trường hợp điều chỉnh về khối lượng phải căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng để thẩm tra khối lượng. Trường hợp điều chỉnh về đơn giá phải căn cứ nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

THẨM TRA QUYẾT TOÁN

D. Hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng kết hợp"

Hợp đồng theo hình thức "Giá hợp đồng kết hợp" phải xác định rõ phạm vi theo công trình, hạng mục công trình hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể: trọn gói, đơn giá cố định hoặc điều chỉnh giá. Việc thẩm tra từng phần của hợp đồng, theo từng hình thức hợp đồng, tương ứng với quy định trên.

E. Thẩm tra các trường hợp phát sinh

- 1) Không thực hiện thì giảm trừ giá trị tương đương .
- 2) Trường hợp có khối lượng không thực hiện hoặc khối lượng được nghiệm thu thấp hơn ở bản tính giá hợp đồng thì giảm trừ phần khối lượng không thực hiện (hoặc thấp hơn) nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

THẨM TRA QUYẾT TOÁN

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

- 3) Trường hợp có công việc phát sinh khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì cộng thêm phần khối lượng phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng.
- 4) Trường hợp có công việc phát sinh khối lượng phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì cộng thêm phần khối lượng phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá điều chỉnh do chủ đầu tư phê duyệt.
- ☐ Trường hợp có công việc phát sinh của HĐ trọn gói theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh này

THẨM TRA QUYẾT TOÁN

3. Thẩm tra chi phí đầu tư

D. Các khoản chi phí khác

- **Thẩm tra** các khoản chi phí tư vấn thực hiện theo hợp đồng;
- **Thẩm tra** chi phí do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, chi phí ban quản lý dự án chi tiết từng nhóm loại, từng khoản mục, từng khoản chi phí so với dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

4. Thẩm tra chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản

- Chi phí đầu tư thiệt hại do thiên tai, địch họa và các nguyên nhân bất khả kháng khác không thuộc phạm vi bảo hiểm.
- Chi phí đầu tư cho khối lượng công việc được huỷ bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Thẩm tra giá trị tài sản cố định và lưu động hình thành qua đầu tư

6. Thẩm tra tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

THẨM TRA QUYẾT TOÁN

Đối với dự án đã kiểm toán quyết toán

- ☐ **Thẩm tra tính tuân thủ Chuẩn mực kiểm toán báo cáo quyết toán theo các nội dung của dự án chưa kiểm toán; nếu chưa đảm bảo yêu cầu so với quy định, cơ quan thẩm tra có quyền yêu cầu nhà thầu kiểm toán thực hiện kiểm toán lại hoặc kiểm toán bổ sung.**
- ☐ **Thẩm tra việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án.**
- ☐ **Xem xét những kiến nghị, những nội dung còn khác nhau giữa chủ đầu tư và của nhà thầu kiểm toán.**
- ☐ **Xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có).**

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

Thẩm quyền phê duyệt quyết toán

- Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt quyết toán các dự án được Quốc hội quyết định chủ trương và cho phép đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư;
- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các đoàn thể; Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt quyết toán các dự án nhóm A, B, C; được ủy quyền hoặc phân cấp phê duyệt quyết toán đối với các dự án nhóm B, C cho cơ quan cấp dưới trực tiếp.
- Đối với các dự án còn lại, người quyết định đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

Cơ quan thẩm tra quyết toán dự án

- Bộ Tài chính: dự án được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư
- Đối với dự án thuộc các cơ quan Trung ương quản lý: đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý tổ chức thẩm tra.
- Đối với các dự án thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý/quận huyện: Sở Tài chính/Phòng Tài chính tổ chức thẩm tra.
- Đối với các dự án còn lại, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý tổ chức thẩm tra.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

Quản lý quyết định phê duyệt quyết toán

Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được gửi cho các cơ quan, đơn vị sau:

1. Chủ đầu tư;
2. Cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư;
3. Cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán;
4. Bộ Tài chính (đối với dự án nhóm A đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách nhà nước).

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

CHI PHÍ THẨM TRA PHÊ DUYỆT, KIỂM TOÁN

CP này tính vào chi phí khác trong giá trị quyết toán của dự án

$$CP_{-VAT} = TMĐT * \% * k \quad (CP > 0.5tr \text{ ttra}; 1tr \text{ toán và } k=1; 0,7 \text{ TB}; 0,5 \text{ đã KT})$$

Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	≤ 5	10	50	100	500	1.000	≥ 10.000
Thẩm tra, phê duyet (%)	0, 38	0, 26	0, 19	0, 15	0, 09	0, 06	0, 032
Kiểm toán (%)	0, 64	0, 43	0, 30	0, 23	0, 13	0, 086	0, 046

$$\text{Chi phí HMCT} = \text{Mức chi phí của cả dự án} * \text{Dự toán của HMCT} / \text{Tổng mức đầu tư của dự án}$$

1. Các nội
dung cơ bản

2. Nội dung,
hồ sơ, thẩm
quyền thẩm
tra Báo cáo
quyết toán

3. Kiểm
toán, quyết
toán vốn
đầu tư

4. Thẩm tra
quyết toán
dự án hoàn
thành

5. Phê duyệt
quyết toán

6. Chi phí
thẩm tra,
phê duyệt
quyết toán,
kiểm toán

7. Thời hạn
quyết toán

8. Trách
nhiệm trong
quyết toán
dự án hoàn
thành

CHI PHÍ THẨM TRA PHÊ DUYỆT, KIỂM TOÁN

Nội dung chi phí thẩm tra, phê duyệt

1. Chi trả thù lao các thành viên tham gia thẩm tra, phê duyệt quyết toán.
2. Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán dự án theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán (nếu có).
3. Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo và các khoản chi khác phục vụ cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

1. Các nội
dung cơ bản

2. Nội dung,
hồ sơ, thẩm
quyền thẩm
tra Báo cáo
quyết toán

3. Kiểm
toán, quyết
toán vốn
đầu tư

4. Thẩm tra
quyết toán
dự án hoàn
thành

5. Phê duyệt
quyết toán

6. Chi phí
thẩm tra,
phê duyệt
quyết toán,
kiểm toán

7. Thời hạn
quyết toán

8. Trách
nhiệm trong
quyết toán
dự án hoàn
thành

CHI PHÍ THẨM TRA PHÊ DUYỆT, KIỂM TOÁN

Quản lý, sử dụng chi phí

- ❑ Đối với các dự án từ nhóm B trở lên: cơ quan chủ trì thẩm tra căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành của nhà nước để lập dự toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán kèm theo giấy đề nghị thanh toán gửi chủ đầu tư. Chủ đầu tư thực hiện thanh toán theo dự toán nhưng không được vượt quy định.
- ❑ Đối với các dự án nhóm C: cơ quan chủ trì thẩm tra được phép thu chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; thực hiện chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán theo quy định.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

THỜI HẠN QUYẾT TOÁN TỐI ĐA

Dự án	QTQG	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C	Dự án lập BCKT KTXD
Thời gian lập BCQT	12 tháng	12 tháng	9 tháng	6 tháng	3 tháng
Thời gian kiểm toán	10 tháng	8 tháng	6 tháng	4 tháng	
Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán	10 tháng	7 tháng	5 tháng	4 tháng	3 tháng

Thời gian lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được tính từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng; Thời gian kiểm toán tính từ ngày hợp đồng kiểm toán có hiệu lực; Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán tính từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán

1. Các nội
dung cơ bản

2. Nội dung,
hồ sơ, thẩm
tra Báo cáo
quyết toán

3. Kiểm
toán, quyết
toán vốn
đầu tư

4. Thẩm tra
quyết toán
dự án hoàn
thành

5. Phê duyệt
quyết toán

6. Chi phí
thẩm tra,
phê duyệt
quyết toán,
kiểm toán

7. Thời hạn
quyết toán

8. Trách
nhiệm trong
quyết toán
dự án hoàn
thành

TRÁCH NHIỆM QUYẾT TOÁN DỰ ÁN

Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- ☐ Lập báo cáo quyết toán dự án đầy đủ nội dung và đảm bảo thời gian quy định.
- ☐ Trình duyệt, quản lý hồ sơ quyết toán. Chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu, tính pháp lý đối với tài liệu.
- ☐ Cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến quyết toán theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra (kiểm toán).
- ☐ Sau 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán, chủ đầu tư phải hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tắt toán tài khoản đầu tư của dự án (công trình) tại cơ quan thanh toán, cho vay vốn đầu tư.

1. Các nội
dung cơ bản

2. Nội dung,
hồ sơ, thẩm
tra Báo cáo
quyết toán

3. Kiểm
toán, quyết
toán vốn
đầu tư

4. Thẩm tra
quyết toán
dự án hoàn
thành

5. Phê duyệt
quyết toán

6. Chi phí
thẩm tra,
phê duyệt
quyết toán,
kiểm toán

7. Thời hạn
quyết toán

8. Trách
nhiệm trong
quyết toán
dự án hoàn
thành

TRÁCH NHIỆM QUYẾT TOÁN DỰ ÁN

Trách nhiệm của các nhà thầu

- ❑ Thực hiện quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định. Hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán thuộc phạm vi trách nhiệm thực hiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu và tính pháp lý.
- ❑ Cùng với chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết. Hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã chi trả sai chế độ quy định.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

TRÁCH NHIỆM QUYẾT TOÁN DỰ ÁN

Trách nhiệm của cơ quan kiểm soát thanh toán, cho vay vốn đầu tư

- ☐ Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã cho vay và thanh toán đối với dự án đồng thời có nhận xét, đánh giá, kiến nghị với cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán về quá trình đầu tư của dự án theo Mẫu số 08/QTDA.
- ☐ Phối hợp với chủ đầu tư thu hồi số vốn đã chi trả cho các cá nhân, đơn vị sai so chế độ quy định.
- ☐ Đôn đốc, hướng dẫn, phối hợp với chủ đầu tư giải quyết công nợ để hoàn thành việc thanh toán, tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

TRÁCH NHIỆM QUYẾT TOÁN DỰ ÁN

Trách nhiệm của nhà thầu kiểm toán

- ❑ Nhà thầu kiểm toán, kiểm toán viên khi thực hiện kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành phải chấp hành nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập, có quyền hạn, nghĩa vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.
- ❑ Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước khách hàng và người sử dụng kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán đã thực hiện.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

TRÁCH NHIỆM QUYẾT TOÁN DỰ ÁN

Trách nhiệm của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán

- ❑ Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành kịp thời, đầy đủ nội dung biểu mẫu theo quy định.
- ❑ Hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành .
- ❑ Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung, yêu cầu theo quy định. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả trực tiếp thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.
- ❑ Hướng dẫn, đôn đốc, tạo điều kiện pháp lý để chủ đầu tư hoàn thành việc giải quyết công nợ và tất toán tài khoản của dự án sau khi phê duyệt quyết toán.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành

TRÁCH NHIỆM QUYẾT TOÁN DỰ ÁN

Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

- ☐ Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác quyết toán dự án.
- ☐ Bố trí đủ vốn để thanh toán cho dự án đã phê duyệt quyết toán.
- ☐ Đôn đốc, tạo điều kiện pháp lý để chủ đầu tư hoàn thành việc giải quyết công nợ và tất toán tài khoản của dự án sau khi phê duyệt quyết toán.

Trách nhiệm của cơ quan tài chính các cấp

- ☐ Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về quyết toán vốn đầu tư; hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành; kiểm tra công tác quyết toán vốn đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành trong cả nước.

1. Các nội dung cơ bản

2. Nội dung, hồ sơ, thẩm quyền thẩm tra Báo cáo quyết toán

3. Kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư

4. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

5. Phê duyệt quyết toán

6. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán

7. Thời hạn quyết toán

8. Trách nhiệm trong quyết toán dự án hoàn thành



PHƯƠNG PHÁP QUY ĐỔI CHI PHÍ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

ThS.Ks Lương văn Cảnh

Giảng viên: Ths.Ks Lương văn Cảnh

TEL: 091.380.3800 EMAIL: luongvancanh@hcm.vnn.vn

www.dutoan.vn

www.dutoan.vn/forums/

CÁC YÊU CẦU CHUNG

- ❑ Quy đổi chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình là việc tính chuyển chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có), chi phí quản lý dự án và chi phí khác (Chủ đầu tư xác định khi lập báo cáo quyết toán hoặc đã được kiểm toán) đã thực hiện từng năm về mặt bằng giá tại thời điểm bàn giao đưa công trình vào sử dụng
- ❑ Trường hợp dự án đầu tư xây dựng có nhiều công trình mà mỗi công trình hoặc nhóm công trình khi hoàn thành được đưa vào khai thác, sử dụng độc lập, thì Chủ đầu tư có thể quy đổi chi phí đầu tư xây dựng đã thực hiện của công trình hoặc nhóm công trình này về mặt bằng giá tại thời điểm bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng

PHƯƠNG PHÁP QUY ĐỔI

$$G_{Q\text{ĐDA}} = \sum_{i=1}^n G_{XD}^i + \sum_{i=1}^n G_{TB}^i + G_{\text{ĐB}} + G_{\text{QLDA}}$$

$$G_{XD}^i = \sum G_{XD}^j = (VL^j \times K_{VL}^j + NC^j \times K_{NC}^j + MTC^j \times K_{MTC}^j) \times K_{\text{thxd}}$$

- ❑ G_{XD}^i : Chi phí xây dựng năm thực hiện thứ j của công trình đã được quy đổi
- ❑ VL^j, NC^j, MTC^j : Chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công năm thực hiện thứ j trong chi phí xây dựng của công trình.
- ❑ $K_{VL}^j, K_{NC}^j, K_{MTC}^j$: Hệ số quy đổi VL, NC, MTC ở năm thực hiện thứ j về thời điểm bàn giao và được xác định theo tỉ số của vật liệu chủ yếu, tiền lương thợ 3,5/7 và ca máy chủ yếu.
- ❑ K_{thxd} : Hệ số các khoản mục chi phí trong bảng tổng hợp chi phí xây dựng gồm trực tiếp phí khác, chi phí chung và chi phí thu nhập chịu thuế tính trước.

PHƯƠNG PHÁP VẬT LIỆU & CA MÁY

STT	Loại VL Loại công trình	Xi măng	Sắt	Gỗ	Nhựa đường	Cát mịn	Cát vàng	Gạch	Đá	...	Vật liệu khác	Tổng cộng (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(n)	(n+1)
												100

$$K_{VL}^j = 1 + \frac{\sum_{i=1}^n (VL^{BG}_i \times P_{VLi} - VL^{TH}_i \times P_{VLi})}{\sum_{i=1}^n (VL^{TH}_i \times P_{VLi})}$$

PHƯƠNG PHÁP NHÂN CÔNG

$$K_{NC} = 1 + \frac{NC^{BG} \text{ bậc } 3,5/7 - NC^{TH} \text{ bậc } 3,5/7}{NC^{TH} \text{ bậc } 3,5/7}$$

Trong đó :

NC^{BG} : Tiền lương ngày công bậc 3,5/7 tại thời điểm bàn giao

NC^{TH} : Tiền lương ngày công bậc 3,5/7 tại thời điểm năm thực hiện thứ j

- ☐ Chi phí thiết bị quy đổi theo tỉ giá tại thời điểm thực hiện và bàn giao
- ☐ Các loại chi phí còn lại quy đổi giữ nguyên giá trị

**TẠI SAO KHÔNG DÙNG CHỈ SỐ GIÁ
ĐỂ QUY ĐỔI CHI PHÍ THỰC HIỆN?**